ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 85 /2026/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 17 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân cấp quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12;

Căn cứ Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định phân cấp quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Công Thương;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Công Thương;
- Cục KTVB và QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- CVP, PCVP.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Phòng KTTC;
- Lưu: VT, Thanh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Văn Hẳn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Phân cấp quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 85/2026/QĐ-UBND)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phân cấp quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm được quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm (gọi tắt là Nghị định số 15/2018/NĐ-CP) thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Những nội dung không đề cập tại Quy định này được thực hiện theo Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương trên địa bàn tỉnh Tây Ninh bao gồm các đối tượng sau đây:

a) Các cơ sở do cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình thực hiện đăng ký hộ kinh doanh; cơ sở không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật (có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh do Ủy ban nhân dân cấp xã/cấp huyện cấp hoặc không có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).

b) Các cơ sở do cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật.

c) Sản xuất ban đầu nhỏ lẻ;

d) Sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định;

đ) Sơ chế nhỏ lẻ;

e) Kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ;

g) Kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn;

h) Sản xuất, kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm;

i) Chợ kinh doanh thực phẩm (trừ chợ đầu mối, đấu giá nông sản).

k) Cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực.

2. Sở Công Thương; Ủy ban nhân dân các xã, phường (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II
PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỐI VỚI CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM KHÔNG THUỘC DIỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 3. Nội dung quản lý

1. Quản lý điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Luật An toàn thực phẩm và các văn bản liên quan tương ứng với từng đối tượng quản lý.

2. Tiếp nhận bản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h khoản 1 Điều 2 của Quy định này.

3. Tiếp nhận bản sao Giấy chứng nhận (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm) của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được quy định tại điểm k khoản 1 Điều 2 của Quy định này.

4. Tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quản lý

1. Sở Công Thương

a) Tiếp nhận bản sao Giấy chứng nhận (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm) của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được quy định tại điểm k khoản 1 Điều 2 của Quy định này.

b) Tiếp nhận hồ sơ tự công bố sản phẩm của tất cả các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy định này và đăng tải tên tổ chức, cá nhân và tên các sản phẩm tự công bố trên trang thông tin điện tử của ngành theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý an toàn thực phẩm đối với các đối tượng trên địa bàn quản lý như sau:

a) Quản lý an toàn thực phẩm đối với chợ và các cơ sở chế biến, kinh doanh thực phẩm trong chợ trên địa bàn quản lý.

b) Quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở do cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình thực hiện đăng ký hộ kinh doanh; cơ sở không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật; các cơ sở do cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật, trừ các cơ sở quy định tại Khoản 1 Điều 4 Quy định này.

c) Tiếp nhận bản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h khoản 1 Điều 2 của Quy định này.

d) Phối hợp với Sở Công Thương quản lý an toàn thực phẩm đối với chợ trên địa bàn xã, phường.

Điều 5. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Công Thương

a) Chỉ đạo, theo dõi và tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ về an toàn thực phẩm đối với phòng, bộ phận chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương trên địa bàn.

c) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Công Thương tình hình quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh theo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu.

d) Chịu trách nhiệm chung trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Công Thương về việc thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thực hiện quản lý và phân công Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn được quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quy định này theo đúng quy định hiện hành.

b) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Công Thương về việc thực hiện nội dung quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm theo thẩm quyền được phân cấp tại Quy định này.

c) Bố trí nguồn kinh phí triển khai công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm được phân cấp trên địa bàn xã, phường.

d) Cải tạo, xây mới các chợ trên địa bàn quản lý phải đảm bảo điều kiện quy định tại TCVN 11856: 2017 về Chợ kinh doanh thực phẩm.

đ) Tổ chức truyền thông, giáo dục kiến thức thực hành đúng về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

e) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp quản lý tại Quyết định này.

g) Thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm thuộc phạm vi phân cấp quản lý.

h) Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo đột xuất, định kỳ quý, 6 tháng, hàng năm và đột xuất theo yêu cầu về tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp quản lý về Sở Công Thương để theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương.

3. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này

a) Phải có đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định tại Luật An toàn thực phẩm.

b) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h khoản 1 Điều 2 của Quy định này thực hiện nộp Bản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm đến Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các xã, phường để theo dõi, quản lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 của Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương).

c) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại điểm k khoản 1 Điều 2 của Quy định này thực hiện gửi bản sao Giấy chứng nhận (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm) tương ứng còn hiệu lực đến Sở Công Thương để theo dõi, quản lý theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến

điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương).

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 6. Quy định chuyển tiếp

Đối với những cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng phân cấp đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm trước khi Quyết định này có hiệu lực thì vẫn tiếp tục được sử dụng Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận cho đến khi hết hiệu lực được ghi trên Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Công Thương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.

2. Định kỳ hàng năm, Sở Công Thương tổ chức kiểm tra, sơ kết, đánh giá công tác phân cấp quản lý an toàn thực phẩm và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh khi cần thiết.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung chưa phù hợp hoặc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kịp thời báo cáo bằng văn bản về Sở Công Thương để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.